

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Danh mục tài sản	Số lượng cơ sở nhà, đất	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Cơ quan được giao tài sản
I	VKSND huyện Đức Cơ (110 Quang Trung, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai)	1					4.922.671.600	3.252.225.600	Chi cục Quản lý thị trường
1	Quyền sử dụng đất		Đất	m2	2.316,4		3.252.225.600	3.252.225.600	
2	Nhà làm việc		Nhà	m2	324,0	2005	977.877.000		
3	Nhà lưu trú công vụ		Nhà	m2	99,0	2005	273.486.000		
4	Nhà xe		Nhà	m2	25,0	2005	13.409.000		
5	Sân		Vật kiến trúc	cái	1,0	2005	139.540.000		
6	Cổng, tường rào, giếng		Vật kiến trúc	cái	1,0	2005	266.134.000		
II	VKSND huyện Chư Sê (803 Hùng Vương, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai)	1					13.771.096.000	11.509.200.000	Chi cục Quản lý thị trường
1	Quyền sử dụng đất		Đất	m2	959,1		11.509.200.000	11.509.200.000	
2	Nhà làm việc		Nhà	m2	257,0	1996	1.077.671.000		
3	Nhà công vụ		Nhà	m2	105,0	1996	960.214.000		
4	Nhà xe		Nhà	m2	20,0	2009	15.280.000		
5	Nhà bảo vệ		Nhà	m2	10,0	2009	63.909.000		
6	Cổng tường rào		Vật kiến trúc	cái	1,0	2011	104.224.000		
7	Sân bê tông		Vật kiến trúc	cái	1,0	2011	40.598.000		
	Tổng	2							